

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04-05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biểu	Chủ tịch
Bà Lê Thái Hưng	Phó Chủ tịch
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biểu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Bích Thu	Ủy viên
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Xuân Diệu
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015

Số: 1301/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng giá trị đầu tư trực tiếp và đầu tư ủy thác vào Cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 68,407 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 28,58% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2015), cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điểm 3, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội với tổng giá trị là 43,680 tỷ đồng đã chiếm 63,85% trong tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, được mua từ năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Trong công văn số 82/2014/CV-VICS ngày 17/03/2014 Công ty cũng đã giải trình và báo cáo vấn đề này với Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như cam kết lộ trình thoái vốn để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		362.285.370.353	267.084.151.057
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	106.660.287.614	126.510.819.234
111	1. Tiền		106.660.287.614	126.510.819.234
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	68.214.220.000	71.417.290.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		69.723.619.600	75.261.949.600
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.509.399.600)	(3.844.659.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	76.190.273.305	68.317.203.002
131	1. Phải thu của khách hàng		258.644.830	258.644.830
132	2. Trả trước cho người bán		723.271.240	718.271.240
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		18.752.870.877	17.199.458.841
138	5. Các khoản phải thu khác		82.425.334.410	84.171.786.064
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.969.848.052)	(34.030.957.973)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		111.220.589.434	838.838.821
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		245.261.088	38.457.351
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	117.835.909	117.835.909
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	110.857.492.437	682.545.561
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.614.392.565	6.246.019.740
220	II. Tài sản cố định		2.029.518.590	2.848.640.919
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.234.416.572	1.927.647.951
222	- Nguyên giá		10.214.935.488	10.328.505.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.980.518.916)	(8.400.857.517)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	795.102.018	920.992.968
228	- Nguyên giá		3.535.924.277	3.535.924.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.740.822.259)	(2.614.931.309)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác		-	15.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(15.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.584.873.975	3.397.378.821
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		75.531.424	113.801.811
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	11	3.509.342.551	3.283.577.010
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		367.899.762.918	273.330.170.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		128.579.958.182	39.436.770.709
310	L. Nợ ngắn hạn		128.579.958.182	39.436.770.709
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	19.662.937.426	20.662.937.426
312	2. Phải trả người bán		1.830.588	350.980.542
313	3. Người mua trả tiền trước		255.000.000	95.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	480.572.767	408.792.151
315	5. Phải trả người lao động		334.405.791	-
316	6. Chi phí phải trả	14	4.606.396.565	3.708.898.647
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	103.238.815.045	14.210.159.663
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	2.280
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		239.319.804.736	233.893.400.088
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	239.319.804.736	233.893.400.088
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	(10.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	1.813.981.917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(120.267.009.098)	(125.683.013.746)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		367.899.762.918	273.330.170.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
005	5. Ngoại tệ các loại		134,35	96,65
006	6. Chứng khoán lưu ký		441.926.160.000	399.309.110.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		423.078.310.000	382.570.290.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		333.078.310.000	292.570.290.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.000.000.000	90.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		2.565.000.000	2.593.310.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		2.565.000.000	2.593.310.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		16.260.400.000	14.008.500.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		16.260.400.000	14.008.500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		22.450.000	137.010.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		22.450.000	137.010.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.939.660.000	3.432.510.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.939.660.000	3.432.510.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.939.660.000	3.432.510.000




Vũ Huyền Trâm
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015



2 -
NG T
PH
CÁN TH
ING N
ỆT N
T.P H

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	3.842.375.945	6.674.627.215
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.735.505.630	1.093.692.213
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		43.900.000	15.390.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		174.090.909	2.464.545.454
01.9	Doanh thu khác		1.888.879.406	3.100.999.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	3.842.375.945	6.674.627.215
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(36.569.258)	15.886.601.589
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.878.945.203	(9.211.974.374)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(1.529.519.157)	(13.148.798.319)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.408.464.360	3.936.823.945
31	8. Thu nhập khác		293.435.977	254.361.557
32	9. Chi phí khác		285.895.689	251.016.599
40	10. Lợi nhuận khác		7.540.288	3.344.958
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.416.004.648	3.940.168.903
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.416.004.648</u>	<u>3.940.168.903</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	159	115

Vũ Huyền Trâm
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.416.004.648	3.940.168.903
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		705.552.349	879.768.945
03	- Các khoản dự phòng		(10.411.369.921)	(7.332.840.474)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.888.879.406)	(1.963.069.547)
06	- Chi phí lãi vay		1.346.297.918	1.030.622.919
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.832.394.412)	(3.445.349.254)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.285.344.402	(5.292.604.962)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		5.538.330.000	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		89.245.689.555	(694.678.449)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(168.533.350)	55.678.601
13	- Tiền lãi vay đã trả		(448.800.000)	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(110.000.000.000)	(110.006.116.004)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.380.363.805)	(119.383.070.068)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.852.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.868.272.152
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		527.832.185	1.328.024.934
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		527.832.185	5.344.297.086
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	(2.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(998.000.000)	(2.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(19.850.531.620)	(116.538.772.982)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		126.510.819.234	120.499.048.005
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>106.660.287.614</u>	<u>3.960.275.023</u>



Vũ Huyền Trâm
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2015 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	10.400.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(125.683.013.746)	5.416.004.648	-	(120.267.009.098)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	233.893.400.088	5.416.004.648	10.400.000	239.319.804.736

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(135.692.466.482)	3.940.168.903	-	(131.752.297.579)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	223.883.947.352	3.940.168.903	-	227.824.116.255

Vũ Huyền Trâm
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015

1108
CÔNG TY
MIRROR
EM TOA
SC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 với mã giao dịch là VIG.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch, bảng sáng chế	03 - 08 năm

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hoặc chu kỳ kinh doanh.

Các chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.15 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	340.400	3.670.900.000
- Cổ phiếu	340.400	3.670.900.000
Của người đầu tư	85.151.506	931.960.592.700
- Cổ phiếu	85.151.506	931.960.592.700
	85.491.906	935.631.492.700

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.514.736.051	812.136.365
Tiền gửi ngân hàng	95.999.741.766	121.697.804.730
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.698.286.169	2.732.089.555
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	1.776.070	8.681.324
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	4.445.747.558	1.260.107.260
	106.660.287.614	126.510.819.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			47.616.460.000	53.154.790.000	-	14.050.000	(156.000.000)	(2.553.770.000)	47.460.460.000	50.615.070.000
Chứng khoán niêm yết			219.000.000	5.757.330.000	-	14.050.000	(156.000.000)	(2.553.770.000)	63.000.000	3.217.610.000
- DXY	15.000	15.000	219.000.000	219.000.000	-	-	(156.000.000)	(145.500.000)	63.000.000	73.500.000
- TIG	-	329.900	-	5.509.330.000	-	-	-	(2.408.270.000)	-	3.101.060.000
- VIG	-	10.500	-	29.000.000	-	14.050.000	-	-	-	43.050.000
Chứng khoán chưa niêm yết			47.397.460.000	47.397.460.000	-	-	-	-	47.397.460.000	47.397.460.000
- Công ty CP Tòa nhà CMVT - Truyền thông Hà Nội	1.200.000	1.200.000	23.400.000.000	23.400.000.000	-	-	-	-	23.400.000.000	23.400.000.000
- Ngân hàng Việt Nam Thương Vượng	100.000	100.000	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	499.983	499.983	11.897.460.000	11.897.460.000	-	-	-	-	11.897.460.000	11.897.460.000
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội	783.333	783.333	9.400.000.000	9.400.000.000	-	-	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác			22.107.159.600	22.107.159.600	-	-	(1.353.399.600)	(1.290.889.600)	20.753.760.000	20.816.270.000
Ủy thác đầu tư cho Công ty CP Đầu tư tài chính VICS (VICS Invest)			22.107.159.600	22.107.159.600	-	-	(1.353.399.600)	(1.290.889.600)	20.753.760.000	20.816.270.000
- Cổ phiếu SCL	32.900	32.900	1.097.159.600	1.097.159.600	-	-	(623.399.600)	(560.889.600)	473.760.000	536.270.000
- Cổ phiếu Công ty CP Tòa nhà CMVT - Truyền thông Hà Nội	1.200.000	1.200.000	20.280.000.000	20.280.000.000	-	-	-	-	20.280.000.000	20.280.000.000
- Đầu tư khác			730.000.000	730.000.000	-	-	(730.000.000)	(730.000.000)	-	-
			69.723.619.600	75.261.949.600	-	14.050.000	(1.509.399.600)	(3.844.659.600)	68.214.220.000	71.431.340.000

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng giá trị đầu tư trực tiếp và đầu tư ủy thác vào Cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 68.407 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 28,58% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2015), cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 3, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên có phiếu của Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội với tổng giá trị là 43,680 tỷ đồng chiếm 63,85% trong tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, được mua từ năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Trong công văn số 82/2014/CV-VICS ngày 17/03/2014 Công ty cũng đã giải trình và báo cáo vấn đề này với Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như cam kết lý trình thời hạn để đơn vị lý đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối kỳ Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.



19 42
CÔNG
CÓ P
KH
CÓN
VIỆ
/T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	258.644.830	-	-	-	258.644.830	-	(258.644.830)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	258.644.830	-	-	-	258.644.830	-	(258.644.830)
Trả trước cho người bán	718.271.240	-	5.000.000	-	723.271.240	-	(718.271.240)
- Ứng trước tiền mua hàng hóa dịch vụ cho nhà cung cấp	718.271.240	-	5.000.000	-	723.271.240	-	(718.271.240)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17.199.458.841	-	107.715.048.561	106.161.636.525	18.752.870.877	-	(823.700.000)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	17.199.458.841	-	107.715.048.561	106.161.636.525	18.752.870.877	-	(823.700.000)
Các khoản phải thu khác	84.171.786.064	-	3.460.176.278	5.206.627.932	82.425.334.410	-	(24.169.231.982)
- Bảo hiểm xã hội	39.367.638	-	-	39.367.638	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	54.331.311.001	-	-	-	54.331.311.001	-	(17.667.583.654)
- Phải thu các khoản ủy thác đầu tư đã thanh lý	7.292.859.505	-	-	-	7.292.859.505	-	(1.292.859.505)
- Phải thu các khoản lãi	17.394.043.677	-	1.498.017.201	-	18.892.060.878	-	(3.299.685.795)
- Phải thu các khoản khác	5.114.204.243	-	1.962.159.077	5.167.260.294	1.909.103.026	-	(1.909.103.028)
	102.348.160.975	-	111.180.224.839	111.368.264.457	102.160.121.357	-	(25.969.848.052)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	34.030.957.973	32.404.830.213
Trích lập/hoàn nhập	(8.061.109.921)	(13.790.619.844)
Tại ngày 30/06	25.969.848.052	18.614.210.369

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	117.835.909	117.835.909

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	306.459.335	131.512.459
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	110.551.033.102	551.033.102
	110.857.492.437	682.545.561

(*) Bao gồm 110 tỷ đồng là khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 và phụ lục 01/02.2015/VICS-VLX ngày 05/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	1.057.495.150	3.615.436.604	5.655.573.714	10.328.505.468
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(113.569.980)	(113.569.980)
Tại ngày 30/06/2015	1.057.495.150	3.615.436.604	5.542.003.734	10.214.935.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	870.230.416	2.739.214.230	4.791.412.871	8.400.857.517
Trích khấu hao	66.093.447	213.212.927	300.355.025	579.661.399
Tại ngày 30/06/2015	936.323.863	2.952.427.157	5.091.767.896	8.980.518.916
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	187.264.734	876.222.374	864.160.843	1.927.647.951
Tại ngày 30/06/2015	121.171.287	663.009.447	450.235.838	1.234.416.572

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 858.221.420 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá là: 3.535.924.277 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2015 là: 2.740.822.259 đồng, trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 125.890.950 đồng.

11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.326.783.055	2.326.783.055
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.062.559.496	836.793.955
Số dư cuối kỳ	<u>3.509.342.551</u>	<u>3.283.577.010</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2015	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	20.662.937.426	-	1.000.000.000	19.662.937.426
Vay ngắn hạn	20.662.937.426	-	1.000.000.000	19.662.937.426
	<u>20.662.937.426</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>19.662.937.426</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội ⁽¹⁾	19.662.937.426	20.662.937.426
	<u>19.662.937.426</u>	<u>20.662.937.426</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.243.581	7.522.651
Thuế Thu nhập cá nhân	464.329.186	401.269.500
	480.572.767	408.792.151

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.606.396.565	3.708.898.647
	4.606.396.565	3.708.898.647

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.366.565	1.366.565
Kinh phí công đoàn	24.755.662	15.825.786
Bảo hiểm xã hội	318.449	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.144.033.727	3.992.194.535
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả tiền thu từ đấu giá cổ phần (*)	95.807.328.000	9.962.080.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	156.387.642	134.067.777
	103.238.815.045	14.210.159.663

(*) Đây là khoản phải trả cho Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam tiền thu từ đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ông theo hợp đồng dịch vụ tư vấn thoái vốn và chào bán cổ phần số 01/2015/LILAMA-VICS ngày 27/03/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Có phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
6 tháng đầu năm 2014													
Tại ngày 01/01/2014	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(135.692.466.482)	223.883.947.352						
Lãi trong kỳ	-	-	(10.400.000)	-	-	3.940.168.903	3.940.168.903						
Tại ngày 30/06/2014	<u>341.333.000.000</u>	<u>14.625.850.000</u>	<u>(10.400.000)</u>	<u>1.813.981.917</u>	<u>1.813.981.917</u>	<u>(131.752.297.579)</u>	<u>227.824.116.255</u>						
6 tháng đầu năm 2015													
Tại ngày 01/01/2015	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(125.683.013.746)	233.893.400.088						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	5.416.004.648	5.416.004.648						
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	10.400.000	-	-	-	10.400.000						
Tại ngày 30/06/2015	<u>341.333.000.000</u>	<u>14.625.850.000</u>	<u>-</u>	<u>1.813.981.917</u>	<u>1.813.981.917</u>	<u>(120.267.009.098)</u>	<u>239.319.804.736</u>						

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	20.940.000.000	6,13%	20.940.000.000	6,13%
Asean Small Cap Fund	43.444.000.000	12,73%	43.444.000.000	12,73%
Cổ đồng khác	276.944.000.000	81,14%	276.944.000.000	81,14%
Cổ phiếu quỹ	5.000.000	0,00%	5.000.000	0,00%
	<u>341.333.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>341.333.000.000</u>	<u>100%</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	341.333.000.000	341.333.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.132.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.132.800
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	3.842.375.945	6.674.627.215
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.735.505.630	1.093.692.213
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	43.900.000	15.390.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	174.090.909	2.464.545.454
- Doanh thu khác	1.888.879.406	3.100.999.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.842.375.945	6.674.627.215

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	452.376.907	528.137.599
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.546.130.000	1.041.147.362
Chi phí hoạt động tư vấn	13.415.000	2.213.948.381
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	98.192.857	153.240.628
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(5.470.260.000)	9.739.918.588
Chi phí khác	967.894.727	1.132.118.208
Chi phí trực tiếp chung	1.355.681.251	1.078.090.823
	(36.569.258)	15.886.601.589



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.379.022.908	1.415.960.434
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	48.673.025	64.483.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	638.262.395	711.140.499
Thuế, phí và lệ phí	14.230.000	4.112.000
Hoàn nhập dự phòng	(4.941.109.921)	(17.072.759.062)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.026.241.591	1.543.578.078
Chi phí khác bằng tiền	305.160.845	184.685.800
	<u>(1.529.519.157)</u>	<u>(13.148.798.319)</u>

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.416.004.648	3.940.168.903
Các khoản điều chỉnh giảm	(141.640.578.080)	(153.218.729.360)
- <i>Có tác, lợi nhuận được chia</i>	-	(15.390.000)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(141.640.578.080)	(153.203.339.360)
Tổng thu nhập tính thuế	(136.224.573.432)	(149.278.560.457)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(117.835.909)	(117.835.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	<u>(117.835.909)</u>	<u>(117.835.909)</u>

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.416.004.648	3.940.168.903
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.416.004.648	3.940.168.903
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.133.150	34.132.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>159</u>	<u>115</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.660.287.614	-	126.510.819.234	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	101.436.850.117	(25.251.576.812)	101.629.889.735	(33.312.686.733)
Đầu tư ngắn hạn	69.723.619.600	(1.509.399.600)	75.261.949.600	(3.844.659.600)
Đầu tư dài hạn	-	-	15.000.000	(15.000.000)
	277.820.757.331	(26.760.976.412)	303.417.658.569	(37.172.346.333)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	19.662.937.426	20.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	103.240.645.633	14.561.140.205
Chi phí phải trả	4.606.396.565	3.708.898.647
	127.509.979.624	38.932.976.278

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.660.287.614	-	-	106.660.287.614
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	76.185.273.305	-	-	76.185.273.305
Đầu tư ngắn hạn	68.214.220.000	-	-	68.214.220.000
	<u>251.059.780.919</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>251.059.780.919</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.510.819.234	-	-	126.510.819.234
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	68.317.203.002	-	-	68.317.203.002
Đầu tư ngắn hạn	71.417.290.000	-	-	71.417.290.000
	<u>266.245.312.236</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>266.245.312.236</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	19.662.937.426	-	-	19.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	103.240.645.633	-	-	103.240.645.633
Chi phí phải trả	4.606.396.565	-	-	4.606.396.565
	<u>127.509.979.624</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127.509.979.624</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	20.662.937.426	-	-	20.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	14.561.140.205	-	-	14.561.140.205
Chi phí phải trả	3.708.898.647	-	-	3.708.898.647
	<u>38.932.976.278</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>38.932.976.278</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tư doanh VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	1.735.505.630	43.900.000	2.062.970.315	3.842.375.945	-	3.842.375.945
Chi phí bộ phận trực tiếp	452.376.907	210.870.000	1.079.502.584	1.742.749.491	-	1.742.749.491
Chi phí không phân bổ	-	-	-	(1.779.318.749)	-	(1.779.318.749)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.283.128.723	(166.970.000)	983.467.731	3.878.945.203	-	3.878.945.203
Tài sản bộ phận trực tiếp	106.460.704.278	69.723.619.600	-	176.184.323.878	-	176.184.323.878
Tài sản không phân bổ	-	-	-	191.715.439.040	-	191.715.439.040
Tổng tài sản	106.460.704.278	69.723.619.600	-	367.899.762.918	-	367.899.762.918
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	102.951.361.727	-	-	102.951.361.727	-	102.951.361.727
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	25.628.596.455	-	25.628.596.455
Tổng nợ phải trả	102.951.361.727	-	-	128.579.958.182	-	128.579.958.182

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	671.991.667	517.476.181

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



Vũ Huyền Trâm
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015

C. T. C. P.
G. T. Y.
H. A. N.
H. A. N.
T. H. U. O. N. G.
M. A. I.
V. A.
C. O. N. G.
N. G. H. I. E. P.
V. I. E. T.
N. A. M.
H. O. C. H. I.
M. I. N. H.

C. T. C. P.
H. A. N.
T. H. U. O. N. G.
M. A. I.
V. A.
C. O. N. G.
N. G. H. I. E. P.
V. I. E. T.
N. A. M.
H. O. C. H. I.
M. I. N. H.